TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS - ST.
Ngày: 31 - 3 - 2022.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Nguyễn Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2021/TLST – DS, ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; trụ sở: L, phường T, quận B, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Phong T, Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo giấy ủy quyền ngày 30/3/2022; địa chỉ: Ấp 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Châu B, sinh năm 1964; HKTT: Ấp Ngãi H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: ấp Ngãi P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2021 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Phong T trình bày:

Giữa Ngân hàng N và ông Nguyễn Châu B có ký hợp đồng tín dụng số 7603-LAV-201701442 ngày 06/12/2017 với số tiền vay là 50.000.000 đồng; Mục đích vay là tiêu dùng, đời sống; Lãi suất là 11%; lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 31/3/2022 ông Nguyễn Châu B còn nợ của Ngân hàng sô tiền là 15.197.849 đồng bao gồm tiền gốc là 9.500.000 đồng và lãi là 5.697.849 đồng.

Nay ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Châu B phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng N số tiền là gốc là 9.500.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2022 là 5.697.849 đồng bao gồm lãi trong hạn từ ngày 16/8/2019 đến ngày 06/12/2019 là 493.795 đồng và lãi quá hạn từ ngày 07/12/2019 đến ngày 31/3/2022 là 5.204.055 đồng. Đồng thời, phải trả phần tiền lãi từ ngày 01/4/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp d ụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 này 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc ông Nguyễn Châu B phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 9.500.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2022 là 5.697.849 đồng bao gồm lãi trong hạn từ ngày 16/8/2019 đến ngày 06/12/2019 là 493.795 đồng và lãi quá hạn từ ngày 07/12/2019 đến ngày 31/3/2022 là 5.204.055 đồng. Đồng thời, phải trả phần tiền lãi từ ngày 01/4/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Châu B mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Châu B.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nsố tiền là gốc là 9.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng tín dụng số 7603-LAV-201701442 ngày 06/12/2017 có chữ ký của bị đơn ở mục bên vay, phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu đời sống, bản cam kết, biên bản kiểm tra sau khi cho vay có chữ ký của bị đơn và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn biết nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì nên Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn đã vay và nhận đủ của nguyên đơn số tiền gốc là 50.000.000 đồng là có căn cứ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn 40.500.000 đồng tiền gốc, hiện còn nợ 9.500.000 đồng.Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 9.500.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tạm tính đến ngày 31/3/2022 là 5.697.849 đồng bao gồm lãi trong hạn từ ngày 16/8/2019 đến ngày 06/12/2019 là 493.795 đồng và lãi quá hạn từ ngày 07/12/2019 đến ngày 31/3/2022 là 5.204.055 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu đời sống ngày 04/12/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết trong đó nêu lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặt khác, theo bảng tính lãi chưa thu đến ngày 31/3/2022 của nguyên đơn cung cấp thì sau khi vay từ ngày 16/8/2019 bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn khoản lãi nào. Do vậy, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, bị đơn phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tạm tính đến ngày 31/3/2022 là 5.697.849 đồng bao gồm lãi trong hạn từ 16/8/2019 đến ngày 06/12/2019 là 493.795 đồng và lãi quá hạn từ ngày 07/12/2019 đến ngày 31/3/2022 là 5.204.055 đồng, ngoài ra bị đơn còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 01/4/2022 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[4] Từ những phân tích nêu trên, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Ndư nợ tính đến ngày 31/3/2022 số tiền vay gốc là 9.500.000đồng, tiền lãi là 5.697.849 đồng, tổng cộng là 15.197.849 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 này 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Châu B phải có trách nhiệm trả cho N số tiền 15.197.849 đồng (Mười lăm triệu một trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng). Bao gồm 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 31/3/2022 là 5.697.849 đồng (Năm triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày 01/4/2022, ông Nguyễn Châu B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Châu B tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Châu B phải chịu 759.892 đồng (Bảy trăm năm mươi chín nghìn tám trăm chín mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Nsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 483.654 đồng (Bốn trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003204 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS, VP).

Dương Thị Thanh Hoa